

Tiếp nhận và ảnh hưởng của văn hóa bác học và văn hóa bình dân trong ngôn ngữ *Truyện Kiều*

Võ Minh Hải^(*)

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu những tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa bác học và văn hóa bình dân trong ngôn ngữ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Qua nội dung nghiên cứu, chúng tôi xác định rõ những đặc điểm cụ thể của văn hóa bác học và văn hóa bình dân được thể hiện trong tác phẩm này. Từ đó xác định những giá trị văn hóa của tác phẩm trong tiến trình phát triển của truyện thơ Nôm nói riêng và văn học cổ điển Việt Nam nói chung.

Từ khóa: *Truyện Kiều*, Ảnh hưởng và tiếp nhận văn hóa, Ngôn ngữ văn học

Abstract: This article examines the specific reception and influence of high culture and popular culture in the language of Nguyen Du's *The Tale of Kieu*. This paper aims at identifying certain characteristics of high culture and popular culture conveyed therein, thence, recognizing its cultural values in the development of narrative poems written in Nom script in particular and Vietnamese classical literature in general.

Keywords: The Tale of Kieu, Cultural Reception and Influence, Literary Language

1. Mở đầu

Trong những thập niên gần đây, hướng nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa từ góc độ liên ngành được chú ý và đã đạt được nhiều thành tựu khả quan. Từ những bước phát triển này, những vấn đề liên quan đến tính dân tộc, sự giao lưu tiếp xúc hay quá trình tiếp biến trong ngôn ngữ luôn được chú trọng. Và dĩ nhiên, sự quan tâm ấy luôn thể hiện trong các kết quả nghiên cứu về văn hóa, mối quan hệ, tương tác giữa ngôn ngữ, văn hóa của một nền văn học cụ thể hay một tác phẩm văn học cụ thể.

So với nhiều truyện Nôm cùng thể tài khác, ngôn ngữ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du dường như là một thế giới đầy hương sắc, là phức thể đa dạng và phong phú. Do đó, càng đào sâu tìm hiểu, chúng ta càng phát hiện thêm nhiều điều mới lạ. Tuy nhiên, trong nhiều đặc điểm trội bật ấy, sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua toàn bộ ngôn ngữ *Truyện Kiều* và làm nên giá trị vĩ đại của tác phẩm ấy, phải chăng là sự kết hợp tuyệt diệu giữa hai khuynh hướng bình dân và bác học trong ngôn ngữ tác phẩm. Đây có thể xem là những bước khám phá có tính đặc trưng về ngôn ngữ *Truyện Kiều* từ góc nhìn văn hóa. Thông qua hệ thống ngữ liệu văn hóa, một số nhà nghiên cứu bước đầu

^(*) TS., Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Quy Nhơn;
Email: minhhaiquynhon@gmail.com

đã khám phá nội dung, tư tưởng, những sáng tạo, đặc trưng phong cách văn hóa của đại thi hào Nguyễn Du.

2. Tiếp nhận và ảnh hưởng của văn hóa bác học đối với hệ thống ngữ liệu trong ngôn ngữ *Truyện Kiều*

Môi trường văn hóa cổ điển thời trung đại đã được định chế trong khuôn khổ của lễ giáo. Văn hóa cổ truyền Việt Nam vận hành theo nguyên tắc các phạm trù đạo đức như Lễ, Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, Nhân... Đây là những đặc điểm, biểu hiện cụ thể về văn hóa, tư tưởng, xã hội của các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn minh, văn hóa Trung Quốc. Không gian và bối cảnh đời sống văn hóa trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã miêu tả và phản ánh thế giới quan chính thống, quan phương. Do đó, hệ thống ngữ liệu mang tính nghi thức được tác giả sử dụng trong ngôn ngữ tác phẩm phải đảm bảo những tính quy phạm, chặt chẽ, thể hiện sự tôn nghiêm, cao quý, thanh nhã của xã hội và con người thời bấy giờ. Điều này đã ảnh hưởng cụ thể đến thế giới nghệ thuật *Truyện Kiều*.

Trong tiến trình phát triển văn hóa Việt Nam, việc tiếp thu và ảnh hưởng từ văn hóa cổ điển Trung Quốc (hay còn gọi là văn hóa Hán, văn hóa bác học) vào văn hóa Việt Nam là hiện tượng mang tính lịch sử. Điều đó được thể hiện qua quá trình Hán hóa và chống Hán hóa trong lịch sử nước ta. Đúng như nhà nghiên cứu Phan Ngọc (1998: 43) đã nhận xét: “Sự tiếp thu văn hóa Trung Quốc, người Việt Nam chỉ tiếp thu cái cần thiết của văn hóa Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền dân tộc mà thôi, chứ không phải là bắt chước một cách nô lệ, dù cho nhìn bên ngoài khó lòng bảo là không máy móc...”.

Sự giao lưu và tiếp xúc văn hóa, ngôn ngữ Việt - Hán, tuy trong giai đoạn đầu mang tính cưỡng chế, áp đặt, nằm trong âm

mur đồng hóa văn hóa, nhưng ở những giai đoạn sau lại mang tính chủ động, tích cực. Các triều đại của Việt Nam ở thời kỳ tự chủ đã xây dựng hệ thống chính trị, giáo dục, học thuật, thi cử... theo mô hình của phong kiến phương Bắc. Do đó, về văn hóa, Việt Nam đã tích lũy được những kinh nghiệm từ trong văn hóa Trung Hoa.

Lịch sử văn học trung đại Việt Nam đã phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt, vừa ly tâm, vừa hướng tâm đối với văn học, văn hóa cổ điển Trung Hoa. Đó là quá trình vừa tiếp thu học tập nhưng cũng đồng thời sáng tạo, Việt hóa và bồi đắp những đặc điểm mang tính dân tộc ngày càng rõ nét hơn. Do đó, có thể nói, giao lưu văn hóa, ngôn ngữ Việt - Hán và đặc biệt là quá trình hình thành ngôn ngữ văn chương thời trung đại đã để lại một dấu ấn đậm nét trong các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam, cụ thể là hai hệ thống ngữ liệu Hán Việt và thuần Việt trong ngôn ngữ nghệ thuật truyện thơ Nôm và Ngâm khúc của văn học cổ điển Việt Nam. Giá trị thẩm mỹ của hệ thống ngữ liệu (là những dẫn chứng, dẫn liệu ngôn ngữ, nó có thể được trích dẫn, khai thác phục vụ cho quá trình nghiên cứu về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm) có nguồn gốc từ văn hóa bác học, văn hóa, văn chương cổ điển Trung Hoa đã ảnh hưởng trực tiếp đến ngôn ngữ truyện thơ Nôm bác học. Trong *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nguyễn Đức Tồn (2010: 267) gọi các ngữ liệu ấy là “những hiện tượng văn hóa đặc tồn” hay “các đơn vị đặc văn hóa”. Do đó, không chỉ các nhà ngữ học quan tâm và hứng thú mà các nhà ngữ văn học cổ điển cũng rất chú ý đến hệ thống các đơn vị mang hàm lượng văn hóa, độc đáo này. Những ngữ liệu ấy được xem như là một dạng tín hiệu thẩm mỹ đặc thù, nó

được sử dụng trong các thi phẩm như một phương thức đặc trưng biểu đạt những tình cảm trữ tình của cá nhân, tạo nên một thế giới mở đặc thù theo thi pháp văn học trung đại Việt Nam. Nghệ thuật sử dụng hệ thống ngữ liệu này vừa đảm bảo tính quy phạm, chuẩn mực có tính ước lệ, phản ánh đặc trưng thể loại, vừa thể hiện chiều kích sâu rộng của văn hóa cổ điển, độ uyên thâm và khả năng khái quát đời sống của các tác giả văn học cổ Việt Nam.

Thời trung đại, do chịu ảnh hưởng trực tiếp của Nho giáo, văn học được sáng tác với mục đích chính trị và giáo huấn về cách ứng xử trong cuộc sống, nên ngôn ngữ văn chương thường mang âm hưởng trang trọng để tránh sự dung tục bình thường. Do đó, việc sử dụng những hình thức đặc thù của ngữ liệu văn hóa đã tạo nên một trường thẩm mỹ đặc trưng của các tác phẩm văn học cổ. Đó là hệ thống từ ngữ đã được dẫn dụng một cách khá công phu, linh hoạt và đa dạng trong các tác phẩm truyện Nôm, tiêu biểu và đặc biệt là *Truyện Kiều*. Bàn về vấn đề này, Đoàn Ánh Loan (2003: 56) trong *Diễn cố và nghệ thuật sử dụng diễn cố* đã khẳng định, hệ thống ngữ liệu (cụ thể ở đây là diễn cố, thi văn liệu Hán học) trong ngôn ngữ truyện Nôm đã “được các tác giả truyện thơ xếp đặt ở câu bát nhiều hơn câu lục, tuy không quá chênh lệch, nhưng cũng cần được ghi nhận như một đặc điểm... nhưng bao giờ giữa chúng cũng có một sự kết nối chặt chẽ nhằm thể hiện cao nhất ý nghĩa của nó”.

Những tiếp nhận và ảnh hưởng của văn hóa bác học, văn hóa Hán đã góp phần hình thành nên tính chất quan phương, uyên bác - một đặc trưng thẩm mỹ của ngữ liệu bác học. Đặc trưng này làm nảy sinh những hình tượng, biểu tượng, cách diễn đạt cố định và mang tính truyền thống, phân định

thứ bậc, tạo nên vẻ lộng lẫy và đậm tính nghi thức. Chẳng hạn, Nguyễn Du đã vận dụng một chuỗi các thuật ngữ, ngữ liệu có nguồn gốc từ binh gia, chính trị, có tính nguyên tắc cao để diễn tả các biến cố, sự kiện có tính nghiêm trang. Đoạn thơ “báo ân báo oán” của Thúy Kiều là một ví dụ tiêu biểu, tác giả đã sử dụng một hệ thống ngôn ngữ miêu tả đặc thù của Quân lễ (Vân Trung Thiên, 2006: 224), một trong Ngũ lễ được quy định trong Thượng thư và Chu lễ, cụ thể là: Cát lễ (quán, hôn), hung lễ (tang, tế), quân lễ, tân lễ (lễ tiếp khách) và gia lễ (lễ mừng). Đó là những từ ngữ thường dùng trong quân sự như hiệu duyệt, sưu thú, xuất sư:

“Quân trung gươm lớn giáo dài
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi
Bác đồng chặt đất, tinh kỳ rợp sân
Trướng hùm mở giữa trung quân
Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.
Tiên nghiêm, trống chửi dứt hồi
Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên”
(Câu 2311 - 2318)

Vệ, cơ là những đơn vị quân chính được quy định trong quân ngũ thời phong kiến. *Bác đồng* (hay còn gọi là đồng bác, đồng lao) là những bộ gõ, được dùng để tạo âm thanh hùng tráng khi xuất binh. *Tinh kỳ* là hệ thống cờ phướn được dùng trong đi sứ, nghi vệ thiên tử xuất hành hoặc nghi thức xuất binh của nguyên soái hoặc đại tướng. *Trướng hùm* (hổ trướng), *cửa viên* (viên môn) là địa điểm bản doanh của chủ soái, có bố trí hổ y (ghế da hổ). *Trung quân* là một trong ba cánh quân (tiền, trung, hậu hoặc tả, trung, hữu). Với những ngữ liệu đặc trưng ấy, tác giả vừa khắc họa thành công khung cảnh nghiêm cẩn, hào tráng, uy nghi của “phiên tòa tình đời”, vừa đáp ứng được nhu cầu nghệ thuật chuẩn quy phạm.

Nguyễn Du miêu tả khung cảnh tài tử giai nhân tao ngộ qua sự xuất hiện của Kim Trọng trong buổi Thanh minh:

“Tuyệt in sắc ngựa câu giòng
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời”
(Câu 0139 - 0140)

“Hải văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao”
(Câu 0143 -0144)

Một bức tranh thiên nhiên và khung cảnh lễ hội được tác giả phác thảo qua những hình ảnh văn hóa rất đặc trưng của Trung Hoa, Việt Nam. Trong tiết Thanh minh người ta đi sửa phần mộ và tìm đến những bóng hình quá khứ tạo nên một dạng thức của không gian hồi cố trong tâm cảm. Khung cảnh thiên nhiên diễm lệ ấy cũng chính là cái cớ để nhà thơ miêu tả một bức chân dung hoàn chỉnh về người nho sỹ tài hoa theo quan niệm Nho gia. Có lẽ, ở đoạn thơ này, Nguyễn Du đã chọn bức tranh thanh minh làm nền cho bức truyền thần của Kim Trọng như một sự tương tác nghịch chiều. Vẻ đẹp thiên nhiên trở nên thơ mộng hơn nhờ có hình ảnh con người và hình ảnh con người trở nên sinh động hơn nhờ có thiên nhiên. Thiên nhiên là chuẩn mực, con người là điểm son. Tất cả những ngữ liệu miêu tả Kim Trọng đều gắn liền với màu xanh: *hải văn lần bước dặm xanh, cỏ pha màu áo nhuộm non da trời, một vùng như thể cây quỳnh cành dao...* Đông - Xuân - Thanh - Tuổi trẻ - Tình yêu là những từ mang tâm thức văn hóa, dễ liên tưởng qua lại, chính điều đó đã mang lại cho đoạn thơ và ngôn ngữ tự sự đậm chất trữ tình, nhẹ nhàng, có chiều sâu triết lý, văn hóa. Đồng thời, cách thức liên tưởng ấy cũng tạo nên chuỗi thanh âm phức điệu, những hoà điệu mang tính ngữ cảnh của thể loại truyện Nôm, xu hướng cao nhã và cảm thức văn hóa cá nhân tác giả. Bản thân

nó (tức thanh âm phức điệu) có thể tạo nên một tiềm năng ngữ nghĩa mà mỗi độc giả khi tiếp nhận sẽ tự tái tạo cho mình những mô thức tái hiện riêng biệt, tùy thuộc vào “*tâm đón nhận*” và chiều sâu văn hóa của mỗi cá nhân.

Như vậy, hệ thống ngữ liệu văn hóa bác học chính là những tín hiệu thẩm mỹ đã được mã hóa, nó phản ánh một cách sâu sắc nhất bản lĩnh, trình độ, chiều sâu văn hóa của tác giả. Đồng thời, hệ thống tín hiệu này cũng thách thức, kêu gọi khả năng “giải mã văn hóa” của người tiếp nhận. Vì thế, khi khảo sát hệ thống ngôn ngữ tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam, nhất là truyện thơ Nôm bác học, hệ thống ngữ liệu bác học này không chỉ là những yếu tố tạo nên sự hấp dẫn mà còn là những rào cản nghệ thuật đối với người đọc. Sự trang bị cũng như những hiểu biết về văn hóa cổ điển truyền thống Đông phương luôn là những điều kiện cần thiết.

3. Tiếp nhận và ảnh hưởng của văn hóa bình dân đối với hệ thống ngữ liệu trong ngôn ngữ *Truyện Kiều*

Một số nhà nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu đặc tính bình dị, chân chất, mộc mạc, hấp dẫn, chuẩn xác, cụ thể của hệ thống từ ngữ bình dân (lớp từ cổ, từ địa phương, từ láy thuần Việt hay ngữ liệu âm Hán Việt đã được chuyển dịch và tái cấu trúc lại theo mô hình từ pháp tiếng Việt) và những giá trị văn hóa cũng như sự vận dụng sáng tạo và cách tân của hệ thống này trong ngôn ngữ *Truyện Kiều*. Nó không chỉ phản ánh một cách khách quan nội dung, chủ đề tác phẩm mà còn góp phần phác họa rõ nét một bức tranh hiện thực đa dạng, phức tạp. Ngoài ra, thông qua các ngữ liệu văn hóa bình dân, ngôn ngữ *Truyện Kiều* còn được khẳng định ở phương diện văn hóa thẩm mỹ, nó có tính chất bình dị, mộc mạc, gần

với lời ăn tiếng nói nôm na, gần gũi của dân tộc nên có sức hấp dẫn đối với đông đảo bạn đọc. Đặc biệt, đối với lối khai thác thể mạnh về tính biểu trưng của các ngữ liệu, tác giả tạo nên những “tập mờ” ngữ nghĩa, góp phần phản ánh những “suy tư duy lý” của các nhân vật về những mâu thuẫn trong cuộc sống và vận mệnh con người” (Trịnh Bá Đĩnh, 2013: 83).

Trong ngôn ngữ *Truyện Kiều*, ngoài hệ thống từ cổ, từ địa phương, từ láy... thì lớp từ ngữ có phong cách khẩu ngữ quần chúng và từ thuần Việt cũng được xem là những ngữ liệu văn hóa bình dân. Đúng như Phạm Đan Quế (2013: 345) đã khẳng định, “khẩu ngữ quần chúng là lời ăn tiếng nói nôm na, mộc mạc hàng ngày của cuộc sống vô cùng phức tạp và đầy biến động của nhân dân thuộc đủ mọi tầng lớp”. So với lớp từ ngữ Hán Việt, lớp từ ngữ này vô cùng sinh động, nhiều dáng vẻ và luôn được bổ sung không ngừng qua các thế hệ, thời đại. Nó bao hàm cả những lời nói dung tục, dân dã. Bằng tài năng sáng tạo ngôn từ của mình, Nguyễn Du đã dịch chuyển lớp từ khẩu ngữ có tính chất “quặng thô ngôn ngữ” này vào kho ngữ liệu văn hóa bình dân của *Truyện Kiều*, góp phần tạo nên sự đặc sắc nhiều mặt cho ngôn ngữ tác phẩm. Hệ thống ngữ liệu này vừa chính xác, vừa gợi cảm, hấp dẫn. Kho tàng vô tận và quý giá của khẩu ngữ quần chúng được Nguyễn Du sử dụng để góp phần khắc họa đến từng chi tiết bức tranh xã hội đa sắc, nhiều góc cạnh và thế giới nhân vật sống động, tiêu biểu trong tác phẩm. Nó được sử dụng để thể hiện những ý nghĩ, những toan tính dự phòng của Mã Giám Sinh nhằm được gần gũi với Thúy Kiều trong đêm đầu tiên ở trú phường:

“Nước vô lựu, máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên”
(Câu 0837 - 0838)

Nước vô lựu, máu mào gà, còn nguyên... là những “biệt ngữ”, từ ngữ có tính chất nghề nghiệp của lớp người chuyên làm nghề đất mồi, buôn hương đã khiến người đọc nhận diện cái vẻ bất lương của gã họ Mã. Nếu lời chửi bới của Tú Bà là lời của bọn chủ chứa đã ghê thì chúng ta còn thấy lời mắng nhiếc của Hoạn Bà còn có phần “kinh khủng” hơn:

“Bất tình nổi trận mây mưa,
Dứt rằng: Những giống bơ thờ quen thân.
Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phường trốn chúa thì quân lộn chồng.
Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này.
Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần.”
(Câu 1727 - 1736)

Qua những câu thơ được trích dẫn trên, ta những tưởng đó không thể nào là ngôn ngữ của một mệnh phụ phu nhân, vợ quan Lại bộ thượng thư, một lão nhân gia của nhà họ Hoạn. Trong lời mắng chửi của mình, Hoạn Thư dùng toàn từ ngữ có tính chất khẩu ngữ đậm đặc, đó là những biệt ngữ của bọn ung khuyến giang hồ như: “Giống bơ thờ”, “phường trốn chúa”, “quân lộn chồng”... gọi Kiều là “con này”, bản thân Hoạn Thư thì xưng là “tao”. Hoạn Thư còn dùng thành ngữ như “mèo mả gà đồng”, “khùng khỉnh làm cao”... hay những từ có nguồn gốc từ thành ngữ như “quen thân” (trong “quen thân mất nét”, một biến thể của thành ngữ “hư thân mất nét”). Nguyễn Du sử dụng ngữ liệu “mây mưa” ở đây thật sáng tạo, nó không chỉ ám chỉ chuyện gái trai mà còn được dùng để ám chỉ cơn giận lôi đình của Hoạn lão phu nhân. Trong *Truyện Kiều*, các từ ngữ có phong cách

khẩu ngữ chiếm một tỷ lệ tương đối (331 ngữ liệu) so với toàn bộ từ vựng của thi phẩm. Điều này chứng tỏ, khi viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã tự trang bị cho bản thân một vốn từ ngữ vô cùng phong phú và đa dạng, ông biết tìm kiếm những nội dung ngữ nghĩa mới cho những hình thức quen thuộc (từ mây mưa là một ví dụ). Trong những trường hợp cụ thể khác, nhà thơ đã sử dụng cách nói, kiểu nói rất bình dân, nôm na như “có sá chi”, “con có gì”, “dơ tuồng”, “chẳng văng vào mặt”, “giống bơ thờ” để diễn tả những dáng vẻ ngỗ ngàng, đa diện của cuộc sống muôn mặt, một bức tranh phức hợp, những lời nói dân dã, có phần bậm trợn, hèn yếu, kém thể của các nhân vật và sự chiêm nghiệm của chính bản thân tác giả trong *Truyện Kiều*.

Trong ngôn ngữ của Thúy Kiều, ông viết:

“Nhưng tôi có sá chi tôi,

Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?”

(Câu 1145 - 1146)

Để thể hiện cái bậm trợn trong ngôn ngữ của Tú Bà, ông viết:

“Lão kia có giờ bài bậy,

Chẳng văng vào mặt mà mầy lại nghe!”

(Câu 974 - 975)

Hoặc giả, để thể hiện sự hèn kém của Thúc Sinh:

“Nhân làm sao đến thế này,

Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!”

(Câu 1825 - 1826)

Ngay cả khi thể hiện những đánh giá, suy nghĩ của mình, tác giả cũng thường sử dụng những từ ngữ đậm phong cách khẩu ngữ:

“Đời người đến thế thì thôi,

Trong cơ âm cực, dương hồi khôn hay!”

(Câu 2645 - 2646)

“Ông tơ thực nhé đa đoan,

Xe tơ sao khéo vợ càn, vợ tiên?”

(Câu 2599 - 2560)

Có thể nói, hệ thống ngữ liệu văn hóa này vẫn luôn có tính xác thực, cụ thể và hấp dẫn người đọc. Nó phản ánh được tính cách, ngôn ngữ của các nhân vật trong những hoàn cảnh cụ thể. Ngoài ra, nó đã giúp cho nhà thơ có được sự miêu tả sống động một số môi trường xã hội có tính thông tục, khắc họa những rung động tinh tế, diễn biến nội tâm phức tạp của một số nhân vật và kể cả những xót xa trong tâm tư của chính tác giả.

Như đã nói, hệ thống ngôn từ trong *Truyện Kiều* là cả một thế giới phong phú, đa dạng, sâu sắc, là một phức thể đa chiều kích, đa nghĩa và giàu giá trị văn hóa. Một trong những nguyên nhân tạo nên sự sinh động, hấp dẫn ấy là nhờ có sự kết hợp tuyệt diệu, nhịp nhàng, hợp lý, logic giữa hai khuynh hướng văn hóa bình dân và văn hóa bác học trong ngôn ngữ tác phẩm. Sự tôn vinh những giá trị văn hóa trong ngôn ngữ bình dị, dân dã của thơ ca dân gian Việt Nam đã góp phần khẳng định Nguyễn Du là một trong những thi nhân đã đóng góp rất nhiều vào quá trình phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. Bởi lẽ, khi miêu tả thế giới nội tâm nhân vật, ông thường khai thác những chân giá trị của các ngữ liệu văn hóa bình dân. Chính sự khai thác đó đã giúp ông khái quát được những khía cạnh độc đáo, cụ thể, chi tiết trong tâm lý nhân vật - một phương diện nghệ thuật độc đáo mà tác giả đã tạo dựng được trong quá trình sáng tạo của mình. Thành tựu tuyệt vời mà tác phẩm của ông mang lại không chỉ làm phong phú, trong sáng ngôn ngữ văn học Nôm nói riêng, mà còn có những ảnh hưởng văn hóa sâu xa và lâu dài đến sự phát triển ngôn ngữ văn học cổ điển Việt Nam nói chung.

Khi phân tích, khảo cứu về nguồn gốc bình dân của ngôn ngữ *Truyện Kiều*, một số

nhà nghiên cứu đã có những nhận xét khái quát về phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Du, họ cho rằng lời thơ của ông gần gũi với tiếng nói của nhân dân. Tác giả đã có sự học tập, tiếp thu và ảnh hưởng tiếng nói của dân tộc, ngôn ngữ văn chương dân gian. Đó cũng chính là cống hiến vĩ đại của Nguyễn Du và *Truyện Kiều* đối với lịch sử phát triển của ngôn ngữ văn học dân tộc. Vì thế, văn hóa bình dân và văn hóa bác học có thể được xem là hệ quy chiếu, xuất phát điểm của các hệ thống ngữ liệu trong ngôn ngữ của *Truyện Kiều*.

Theo chúng tôi, sắc thái bình dân trong ngôn ngữ *Truyện Kiều* là những nét, yếu tố thẩm mỹ được gọi lên thông qua hệ thống những thành ngữ, tục ngữ, ca dao, hệ thống từ ngữ thuần Việt, hoặc có yếu tố Hán Việt với một lối diễn đạt bình dị, đơn giản đậm chất khẩu ngữ trong sinh hoạt của người Việt. Hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân đã thực sự là ngôn ngữ văn học với khả năng biểu đạt, biểu cảm hết sức phong phú. Nó được Nguyễn Du sử dụng, chuyển dẫn và khái quát một cách thần tình, đích đáng và nhuần nhuyễn trong hệ thống ngôn ngữ *Truyện Kiều*. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với kết luận của Lê Đình Kỵ (1986: 428): “tính dân tộc của ngôn ngữ có gốc rễ chủ yếu ở thành phần bình dân... những yếu tố bác học như điển cố, tượng trưng, ước lệ đã được Nguyễn Du nhào nặn tái tạo và đưa vào một âm hưởng mới, chứa chan tình điệu dân tộc...”. Và hơn thế nữa, “*Truyện Kiều* là một truyện thơ Nôm có quy mô từ ngữ dân tộc khá phong phú kết hợp với chất thơ trữ tình của ngôn ngữ văn học dân gian đã xứng đáng là một tác phẩm tiêu biểu có tính dân tộc sâu sắc trong văn học cổ điển Việt Nam...” (Nguyễn Thúy Hồng, 1995: 74).

4. Kết luận

Khảo sát hệ thống ngữ liệu văn hóa trong *Truyện Kiều*, chúng tôi nhận thấy, các dạng thức ngữ liệu văn hóa được các tác giả sử dụng khá đa dạng và phong phú. xét từ phương diện nguồn gốc, các ngữ liệu văn hóa được sử dụng trong ngôn ngữ truyện Nôm bao gồm ngữ liệu nguyên dạng (ngữ liệu âm Hán Việt) và ngữ liệu chuyển dịch (bao gồm ngữ liệu âm bán Hán Việt (là những ngữ liệu được cấu thành bởi một yếu tố là Hán Việt, một yếu tố thuần Việt) và ngữ liệu thuần Việt). Những từ ngữ mang sắc thái văn hóa bình dân trong ngôn ngữ của một tác phẩm cụ thể là một trong những nét biểu hiện những giá trị văn hóa riêng biệt của nó so với những tác phẩm khác cùng thể loại, loại hình. Nó phản ánh quá trình chia cắt, khái quát thực tại theo một nếp tư duy riêng biệt có nguồn gốc sâu xa từ trong đặc tính bản địa của dân tộc cụ thể. Đó là nếp nghĩ, kiểu tư duy, đặc trưng văn hóa. Vì thế tiềm năng và khả năng sáng tạo nên các giá trị văn hóa của hệ thống từ ngữ này là rất lớn. Và có lẽ, nhờ vào con đường này, tác phẩm văn chương đã đi vào lòng dân tộc, được cộng đồng tiếp nhận một cách nhanh chóng và hiệu quả, chẳng hạn như trường hợp Lục Vân Tiên trong văn hóa Nam bộ. Mặt khác, hệ thống từ ngữ chịu ảnh hưởng của văn hóa bình dân luôn có ý nghĩa xã hội, giàu hình ảnh biểu trưng và tính biểu cảm. Nó góp phần giúp tác giả chuyển tải những thông điệp nhân sinh, giải bày những tâm tư, tình cảm, trần trối, băn khoăn của mọi tầng lớp người trong xã hội cũ, của những trí thức bình dân hay những kẻ tha hương, người lạc loài với thời cuộc mong muốn tìm một chốn bình yên hay sự đồng cảm với nhân dân, dân tộc mình.

Hệ thống ngữ liệu văn hóa trong ngôn ngữ *Truyện Kiều* đã chịu sự tác động của

bối cảnh văn hóa, tư duy, tâm thức văn hóa, đặc trưng thẩm mỹ của văn hóa Trung Hoa và Việt Nam. Dưới áp lực của những tác động ấy, ngữ liệu đã trở thành những tín hiệu thẩm mỹ đặc thù, là những uyển ngữ, điển chương giàu sức khái quát và đậm tính triết học. Hệ thống ấy đã trở thành công cụ thẩm mỹ của văn nhân thi sĩ trung đại, nó không chỉ chuyên tải những nội dung thẩm mỹ, suy tưởng về nghệ thuật, về cuộc sống mà còn thể hiện một cách sâu sắc tâm văn hóa, độ thâm thúy và sở học của các tác gia văn học □

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Bá Đĩnh (2013), *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thúy Hồng (1995), *Từ ngữ Việt và Từ ngữ Hán Việt trong ngôn ngữ nghệ thuật Truyện Kiều*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
3. Lê Đình Kỳ (1986), “Sắc thái bác học, sắc thái bình dân và tính thống nhất của ngôn ngữ Truyện Kiều”, Trong: Viện Ngôn ngữ học - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1986), *Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông*, Hà Nội.
4. Đoàn Ánh Loan (2003), *Điển cố và nghệ thuật sử dụng điển cố*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phan Ngọc (1998), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
6. Phạm Đan Quế (2013), *Thế giới nghệ thuật Truyện Kiều*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
7. Văn Trung Thiên (2006), *Lễ Nghi, Bắc Kinh Văn nghệ xuất bản xã* (bản tiếng Trung).
8. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.